

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HS-ST
Ngày 12-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thu Huyền

Bà Nguyễn Thúy Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Mạc Thị Sầm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Mã Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị L, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 13/8/1995 tại huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở tạm trú trước khi phạm tội: Ngõ 59, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ (đã chết) và bà Bùi Thị H; chồng, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 21/7/2022 bị Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số 17/QĐ-XPVPHC ngày 25/8/2022, ngày 30/8/2022 Phạm Thị L nộp tiền phạt (chưa được xóa tiền sự); nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2023 đến nay; có mặt.

2. Đàm Văn T, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12/11/1996 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 8, Thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn H và bà Hoàng Thị N (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 31/01/2023,

bị Công an thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn lập hồ sơ người chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 13/QĐ-XPTT ngày 30/01/2023; nhân thân: Ngày 18/02/2021 bị Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, hình thức phạt tiền 4.250.000 đồng theo Quyết định số 30/QĐ-XPHC ngày 02/3/2021 (đã được xóa tiền sự); chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2023 đến nay; có mặt.

3. Trần Duy P, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27/01/2000 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số nhà 5, ngõ 102, khối 11, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức L và bà Trần Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2023 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà 5, ngõ 102, khối 11, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Đặng Văn H, sinh năm 1996; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ ngày 13/3/2023, Tổ công tác Công an huyện Cao Lộc làm nhiệm vụ tại khu vực khối 4, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn phát hiện Trần Duy P có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra phát hiện trong túi áo bên phải của Trần Duy P có 01 mảnh giấy vệ sinh màu nâu bên có 04 viên nén màu nâu hình tam giác, trên bề mặt có một đường kẻ dọc ở giữa nghi là chất ma túy. Phong khai nhận các viên nén màu nâu trên là ma túy “Kẹo” Phong mua của Đàm Văn T (sinh năm: 1996, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 8, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) tại khu vực Cầu 17/10 thuộc phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn) mục đích để sử dụng thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Căn cứ lời khai Trần Duy P và các tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đàm Văn T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Đàm Văn T khai nhận số ma túy bán cho P là T mua lại của Phạm Thị L (sinh năm: 1995; hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở trọ: Ngõ 59, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn). Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Thị L.

Vật chứng thu giữ của bị cáo Trần Duy P: 01 (một) gói giấy màu nâu đựng 04 (bốn) viên nén màu nâu hình tam giác, nghi là chất ma túy tổng hợp; 01 (một) chiếc xe đạp điện màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone Xs màu đen, đã qua sử dụng có số IMEI 1: 357204099258466, IMEI 2: 357204099411693; 01 (một) căn cước công dân mang tên Trần Duy P. Thu giữ của bị cáo Đàm Văn T: 01 (một) túi nilon trong suốt màu trắng, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI: 356716112331997, cũ đã qua sử dụng; số tiền 2.125.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Thu giữ của bị cáo Phạm Thị L: 01 (một) chiếc điện thoại di động màu hồng, nhãn hiệu Iphone 13, số IMEI: 352164237155450, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 174923859 mang tên Phạm Thị L; số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng); 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng có đường kính khoảng 25cm, 01 (một) ống hút nhựa màu đen có chiều dài khoảng 15cm, 01 (một) thẻ nhựa màu đỏ trắng có diện 5cmx7cm, 01 (một) túi nilon trong suốt diện 2cmx2cm bên trong đều bám dính chất bột màu trắng nghi là chất ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 356/KL-KTHS ngày 17/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Phong bì có chữ "Quả tang Trần Duy P "ma túy": 04 viên nén màu nâu gửi giám định đều là chất ma túy MDMA có tổng khối lượng 1,996 gam (đã trừ bì); Phong bì ghi chữ "Giữ người trong THKC (ma túy Đàm Văn T)": Chất tinh thể màu trắng gửi giám định là chất ma túy Ketamine, có khối lượng 0,725 gam (đã trừ bì); Phong bì ghi chữ "Khám xét Phạm Thị L": Chất tinh thể màu trắng gửi giám định là chất ma túy Ketamine, có khối lượng 0,053 gam (đã trừ bì).

Tại Bản Kết luận giám định số: 386/KL-KTHS ngày 23/03/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: “Toàn bộ số tiền Việt Nam 3.425.000 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng) trong phong bì niêm phong gửi giám định đều là tiền thật”.

Tại Cơ quan điều tra, đã làm rõ: Khoảng 20 giờ ngày 13/3/2023, Trần Duy P sử dụng số điện thoại số 0889.800.832 gọi điện thoại cho Đàm Văn T số 0336.568.569 để hỏi mua 06 (sáu) viên ma túy “keo”, T đồng ý. Do không có sẵn ma túy “Keo” nên T gọi điện vào số 0974.576.095 của Phạm Thị L hỏi mua ma túy. L bảo T đợi chút rồi gọi điện qua Telegram cho số 0372.790.740 của Nguyễn Trọng Q (không rõ tuổi, địa chỉ cụ thể) lưu trong danh bạ điện thoại là “Aq2”. Q đồng ý bán 06 viên ma túy “keo” cho L với giá 2.100.000 đồng và yêu cầu L thanh toán qua hình thức chuyển khoản. L gọi điện báo cho T biết giá 06 viên ma túy “keo” giá 2.400.000 đồng và bảo T chuyển khoản cho L. T đồng ý rồi nhắn tin cho P báo giá 06 viên ma túy “keo” giá 3.000.000 đồng và yêu cầu P chuyển khoản, P đồng ý. Do không đủ tiền trong tài khoản nên P nhắn tin cho T sẽ chuyển khoản trước 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), còn 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) P sẽ trả sau, T đồng ý. Sau đó, P chuyển khoản 2.950.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Vietcombank số 9889800832 mang tên Trần Duy P đến tài khoản ngân hàng MBank số 1351234568888 mang tên Đàm Văn T. T tiếp tục dùng tài khoản

MBank của 19036027466015 mang tên Phạm Thị L. L tiếp tục chuyển khoản 2.100.000 đồng đến tài khoản ngân hàng ViettinBank số 100782488268 mang tên Hoàng Minh C theo yêu cầu của Q. Khoảng 10 phút sau, Q một mình đi đến phòng trọ của L tại số 59, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giao ma túy. L gọi điện cho T đến nhà trọ của L lấy ma túy. Sau khi nhận được ma túy, T hẹn P giao ma túy tại khu vực Cầu 17/10 thuộc phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. P nhận được ma túy thì một mình đi lên khu vực thị trấn Cao Lộc để tìm địa điểm sử dụng. Khi P đi đến khối 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ 04 viên ma túy “keo” (trong quá trình nhận ma túy và di chuyển P đã làm rơi mất 02 viên).

Đàm Văn T khai nhận ngoài lần bán ma túy trên, T còn được bán ma túy cho P 01 lần vào khoảng tháng 12/2022 (không nhớ thời gian cụ thể), Trần Duy P hỏi mua 02 viên ma túy “Keo” của Đàm Văn T. T đồng ý và đến khu vực chợ Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn mua 02 viên ma túy “Keo” của một người đàn ông (không quen biết, không rõ tên tuổi địa chỉ) với giá 800.000 đồng sau đó bán lại cho P với giá 1.000.000 đồng. Ngoài ra vào sáng ngày 13/3/2023, T gọi điện hỏi mua 01 gói ma túy “Ke” của L với giá 1.700.000 đồng. T lấy một ít để sử dụng, số còn lại T cất giấu trong người mục đích để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. Đến khoảng 22 giờ ngày 13/3/2023, T tiếp tục mua 01 gói ma túy “Ke” với Phạm Thị L với giá 2.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền. Sau đó, T gộp số ma túy “Ke” vừa mua vào số ma túy “Ke” mua buổi sáng mục đích nếu có khách hỏi mua sẽ bán. Đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày, Cơ quan điều tra ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đàm Văn T, thu giữ số ma túy Ketamine trên.

Phạm Thị L khai nhận ngoài lần bán 06 viên ma túy “Keo” cho T, L còn lấy ma túy từ chỗ Q và bán lại cho Đàm Văn T để kiếm lời 02 lần, cụ thể: Lần thứ nhất vào sáng ngày 13/3/2023, L lấy một gói ma túy “Ke” với Q giá 1.500.000 đồng và bán lại cho Đàm Văn T với giá 1.700.000 đồng; lần thứ hai vào khoảng 20 giờ ngày 13/3/2023, L mua của Q 06 viên ma túy “Keo” giá 2.100.000 đồng và một gói ma túy “Ke” nhưng trả tiền cho Q sau. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi T gọi điện hỏi mua ma túy “Ke”, L bán cho T với giá 2.000.000 đồng và thỏa thuận trả tiền sau. L bảo T đến phòng trọ của L để lấy ma túy. Trong lúc đợi T đến L đã sẻ một ít từ gói ma túy “Ke” này ra để sử dụng, số còn lại bán cho T.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKS-CL ngày 10/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Phạm Thị L, Đàm Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Duy P về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thị L, Đàm Văn T, Trần Duy P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H xác định: Chiếc xe đạp điện màu trắng, đã qua sử dụng là của bà mua cho Trần Duy P đi lại, không liên quan đến việc tàng trữ ma túy, bà đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Trần Duy P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị L, Đàm Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Trần Duy P phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Thị L; xử phạt bị cáo Phạm Thị L mức án tù 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng đến 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù giam.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đàm Văn T; xử phạt bị cáo Đàm Văn T mức án 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù giam.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Duy P mức án tù 15 (mười lăm) tháng đến 21 (hai mươi một) tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Thị L, Đàm Văn T, Trần Duy P vì các bị cáo đều không có việc làm ổn định, không có tài sản có giá trị.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là vật do Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành gồm: 01 (một) phong bì ghi chữ “QUẢ TANG TRẦN DUY P “MA TÚY” (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình Chiến, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 1,507 gam chất ma túy MDMA (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì ghi chữ “GIỮ NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP (ma túy Đàm Văn T)” (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình Chiến, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) túi nilon (cũ) đựng 0,647 gam chất ma túy Ketamine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì ghi chữ “KHÁM XÉT PHẠM THỊ L (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình Chiến, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) túi nilon (cũ) đựng 0,041 gam chất ma túy Ketamine (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết).

Đối với 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng có đường kính khoảng 25cm; 01 (một) ống hút nhựa màu đen có chiều dài khoảng 15cm; 01 (một) thẻ nhựa màu đỏ trắng có diện 5cmx7cm là các đồ vật liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen, tên kiểu máy: iPhone Xs, số IMEI 1: 357204099258466; IMEI 2: 357204099411693, cũ đã qua sử dụng của bị cáo Trần Duy P; 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen, tên kiểu máy: iPhone 12 ProMax, số IMEI: 356716112331997, cũ đã qua sử dụng của bị cáo Đàm Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại di động màu hồng, tên kiểu máy: iPhone 13, số IMEI:

352164237155450, cũ đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Thị L được sử dụng vào việc mua bán ma túy cần tịch thu hoá giá sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 (một) căn cước công dân số 020200000968 mang tên Trần Duy P; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 174923859 mang tên Phạm Thị L là giấy tờ tùy thân của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 (một) chiếc xe đạp điện màu trắng, cũ đã qua sử dụng, do mẹ bị cáo Trần Duy P mua cho bị cáo, bị cáo không sử dụng để tàng trữ mua ma túy nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 (một) phong bì của Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có dòng chữ viết tay “ĐÀM VĂN T SỐ TIỀN 2.125.000 đồng”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong phong bì đựng tiền Việt Nam đã qua giám định, tổng số tiền 2.125.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng) là số tiền bị cáo Đàm Văn T đi làm thuê ở quán hát mà có được và 01 (một) phong bì của Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có dòng chữ viết tay “Số tiền khám xét Phạm Thị L 1.300.000 đồng”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong phong bì đựng tiền Việt Nam đã qua giám định, tổng số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) là số tiền bị cáo Phạm Thị L đi làm thuê ở các quán karaoke mà có được, không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho các bị cáo, nhưng đề nghị tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử truy thu của bị cáo Phạm Thị L số tiền 2.000.000 đồng do phạm tội mà có (bao gồm 1.700.000 đồng bán ma túy cho T chưa thanh toán cho Q và 300.000 đồng tiền lãi từ việc bán ma túy lần 2 cho T) để sung ngân sách Nhà nước; truy thu của bị cáo Đàm Văn T số tiền 2.800.000 đồng do phạm tội mà có (bao gồm 2.000.000 đồng tiền ma túy chưa thanh toán cho L và 800.000 đồng tiền lãi từ việc bán ma túy 2 lần cho P) để sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Khi nói lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại về

hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người chứng kiến anh Đặng Văn H nhưng đã có lời khai trong hồ sơ, việc xét xử vắng mặt không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Văn H.

[3] Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, phù hợp với bản Kết luận giám định số 356/KL-KTHS ngày 17/3/2023 và Kết luận giám định số 386/KL-KTHS ngày 23/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, phù hợp với diễn biến của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Ngày 13/3/2023, Phạm Thị L có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Đàm Văn T 03 lần tại phòng trọ của L tại ngõ 59, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn: Lần 01 vào sáng ngày 13/3/2023, bán cho T 01 gói ma túy “Ke” với giá 1.700.000 đồng; lần 2 vào 20 giờ cùng ngày bán cho T 06 viên ma túy “Kẹo” với giá 2.400.000 đồng; Lần 3 vào 22 giờ cùng ngày bán cho T 01 gói ma túy “Ke” giá 2.000.000 đồng nhưng cho T nợ. Sau khi mua ma túy với Phạm Thị L, Đàm Văn T đã bán cho Trần Duy P 06 viên ma túy “Kẹo” với giá 3.000.000 đồng tại khu vực Cầu 17/10 thuộc phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vào khoảng 21 giờ ngày 13/3/2023. Sau khi mua được ma túy Trần Duy P đi đến khu vực khối 4, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tìm địa điểm sử dụng ma túy thì bị Công an huyện Cao Lộc bắt quả tang thu giữ 1,996 gam ma túy MDMA. Ngoài ra, Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ 0,725 gam ma túy Ketamine của Đàm Văn T và 0,053 gam ma túy Ketamine của Phạm Thị L. Ngoài lần bán ma túy trên, Đàm Văn T khai nhận được bán 02 viên ma túy “Kẹo” với giá 1.000.000 đồng cho Trần Duy P vào khoảng tháng 12/2022. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Phạm Thị L và bị cáo Đàm Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và truy tố bị cáo Trần Duy P về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự an ninh tại địa phương, ảnh hưởng đến sức khỏe, làm suy thoái nòi giống và còn là nguyên nhân làm phát sinh hàng loạt các loại tội phạm khác. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi, muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[5] Để có căn cứ quyết định hình phạt đối với các bị cáo, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần xem xét về vai trò đồng

phạm của các bị cáo trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo như sau:

[6] Đây là vụ án truy tố về hai tội danh "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Hai bị cáo Phạm Thị L và Đàm Văn T đồng phạm với nhau về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng mang tính chất giản đơn. Bị cáo Phạm Thị L và bị cáo Đàm Văn T trao đổi, liên kết mua bán ma túy với nhau. Bị cáo Phạm Thị L là người bán ma túy cho bị cáo Đàm Văn T. Bị cáo Đàm Văn T là người mua ma túy từ bị cáo Phạm Thị L, sau đó mang ma túy đi bán cho Trần Duy P để sử dụng. Trong vụ án, bị cáo Phạm Thị L mua bán nhiều lần hơn nên có vai trò cao hơn, bị cáo Đàm Văn T giữ vai trò thấp hơn. Còn đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Duy P là hành vi độc lập. Do vậy, bị cáo Trần Duy P phải tự chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Cả ba bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đàm Văn T có bố đẻ là ông Đàm Văn H tham gia dân công hỏa tuyến; ông nội là Đàm Việt V được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên bị có được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Về nhân thân: Bị cáo Trần Duy P là người có nhân thân tốt, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; các bị cáo Phạm Thị L, Đàm Văn T chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật nhưng đều có tiền sự chưa được xóa nên xác định các bị cáo là người có nhân thân xấu.

[10] Trên cơ sở đánh giá về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo Phạm Thị L, Đàm Văn T, Trần Duy P Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo đảm bảo đủ sức răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung hình phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên qua xác minh thấy rằng các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập riêng đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy: Đối với ma túy còn lại sau giám định là vật thuộc loại do Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành và vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) phong bì ghi chữ “QUẢ TANG TRẦN DUY P “MA TÚY” (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình Chiến, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phân giáp lai mới. Bên trong có:

01 (một) gói giấy (cũ) đựng 1,507 gam chất ma túy MDMA (Phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì ghi chữ “GIỮ NGƯỜI TRONG THKC (ma túy Đàm Văn T)” (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình Chiến, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) túi nilon (cũ) đựng 0,647 gam chất ma túy Ketamine (Phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) phong bì ghi chữ “KHÁM XÉT PHẠM THỊ L (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình Chiến, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) túi nilon (cũ) đựng 0,041 gam chất ma túy Ketamine (Phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết); 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng có đường kính khoảng 25cm; 01 (một) ống hút nhựa màu đen có chiều dài khoảng 15cm; 01 (một) thẻ nhựa màu đỏ trắng có diện 5x7cm.

[13] Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen, tên kiểu máy: iPhone Xs, số IMEI 1: 357204099258466; IMEI 2: 357204099411693, cũ đã qua sử dụng của bị cáo Trần Duy P; 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen, tên kiểu máy: iPhone 12 Pro Max, số IMEI: 356716112331997, cũ đã qua sử dụng của bị cáo Đàm Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại di động màu hồng, tên kiểu máy: iPhone 13, số IMEI: 352164237155450, cũ đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Thị L, các bị cáo sử dụng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá, sung công quỹ Nhà nước.

[14] Đối với 01 (một) chiếc xe đạp điện màu trắng, cũ đã qua sử dụng bị cáo Trần Duy Phong do mẹ của bị cáo mua cho, bị cáo không sử dụng để tàng trữ ma túy nên trả lại cho bị cáo Trần Duy P. Đối với 01 (một) phong bì của Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có dòng chữ viết tay “ĐÀM VĂN T SỐ TIỀN 2.125.000 đồng”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong phong bì đựng tiền Việt Nam đã qua giám định, tổng số tiền 2.125.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng); 01 (một) phong bì của Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có dòng chữ viết tay “Số tiền khám xét Phạm Thị L 1.300.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong phong bì đựng tiền Việt Nam đã qua giám định, tổng số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng), không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 (một) căn cước công dân số 020200000968 mang tên Trần Duy P; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 174923859 mang tên Phạm Thị L là giấy tờ tùy thân của các bị cáo, không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho các bị cáo.

[15] Các bị cáo Phạm Thị L, Đàm Văn T thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cần truy thu của bị cáo Phạm Thị L số tiền 2.000.000 đồng do phạm tội mà có (bao gồm 1.700.000 đồng bán ma túy cho T chưa thanh toán cho Nguyễn Trọng Q và 300.000 đồng tiền lãi từ việc bán ma túy lần 2 cho T)

để sung ngân sách Nhà nước; truy thu của bị cáo Đàm Văn T số tiền 2.800.000 đồng do phạm tội mà có (bao gồm 2.000.000 đồng tiền ma túy chưa thanh toán cho L và 800.000 đồng tiền lãi từ việc bán ma túy 2 lần cho P) để sung ngân sách Nhà nước.

[16] Đối với người đàn ông tên Nguyễn Trọng Q (khoảng 30 – 37 tuổi, địa cụ thể không rõ) là người đã bán ma túy cho bị cáo Phạm Thị L, do bị cáo không biết tuổi, địa chỉ cụ thể của người này, ngoài lời khai của bị cáo không còn tài liệu nào khác, nên Cơ quan điều tra không có đủ cơ sở để điều tra, xác minh làm rõ, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[17] Đối với chủ số tài khoản ngân hàng Viettinbank số 100782488268 là số tài khoản mà Q đưa cho Phạm Thị L để thanh toán chuyển khoản mua bán ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thông tin chủ tài khoản mang tên Hoàng Minh C, sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Khối phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập, xác minh nhưng hiện nay Hoàng Minh C không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm đối với Hoàng Minh C theo Thông tư số 04/2022/TT-BCA ngày 17/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác truy tìm trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Đối với số điện thoại 0372790740 là số Phạm Thị L gọi mua ma túy của Nguyễn Trọng Q. Cơ quan điều tra đã xác minh thông tin chủ thuê bao số điện thoại là Hoàng Văn H, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: Xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập, ghi lời khai Hoàng Văn H khai nhận số điện thoại 0372790740 là của H, tuy nhiên vào khoảng cuối năm 2022 thì Hoàng Văn H đã làm mất số điện thoại trên, hiện nay không còn sử dụng nữa, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Đối với người đàn ông khoảng 30 tuổi bán ma túy cho Đàm Văn T vào tháng 12/2022 tại khu vực chợ Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, do T không biết tên, tuổi, địa chỉ của người đàn ông trên, ngoài lời khai của T không còn tài liệu nào khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có đủ cơ sở để điều tra, xác minh làm rõ, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[20] Đối với phòng trọ Phạm Thị L đang sinh sống tại ngõ 59, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, qua xác minh thuộc dãy phòng trọ của ông Mai Trung S (sinh năm: 1962, trú tại: Số 15, đường P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn). Việc Phạm Thị L bán ma túy cho các đối tượng nghiện tại phòng trọ ông S không biết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[21] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[22] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[23] Ý kiến đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Phạm Thị L, Đàm Văn T; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đàm Văn T;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Duy P;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 296; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị L, Đàm Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Trần Duy P phạm tội Tàng trữ phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 13/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Đàm Văn T 08 (tám) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 13/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Trần Duy P 18 (mười tám) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 13/3/2023.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo Phạm Thị L, Đàm Văn T và Trần Duy P.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì ghi chữ “QUẢ TANG TRẦN DUY P “MA TÚY” (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình Chiến, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (Một) gói giấy (cũ) đựng 1,507 gam chất ma túy MDMA (Phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết);

+ 01 (một) phong bì ghi chữ “GIỮ NGƯỜI TRONG THKC (Ma túy Đàm Văn T)” (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình Chiến, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (Một) túi nilon (cũ) đựng 0,647 gam chất ma túy Ketamine (Phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết);

+ 01 (một) phong bì ghi chữ “KHÁM XÉT PHẠM THỊ L (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình Chiến, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (Một) túi nilon (cũ) đựng 0,041 gam chất ma túy Ketamine (Phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết);

+ 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng có đường kính khoảng 25cm;

+ 01 (một) ống hút nhựa màu đen có chiều dài khoảng 15cm;

+ 01 (một) thẻ nhựa màu đỏ trắng có diện 5x7cm.

- Tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen, tên kiểu máy: iPhone Xs, số IMEI 1: 357204099258466; IMEI 2: 357204099411693, cũ đã qua sử dụng của bị cáo Trần Duy P;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen, tên kiểu máy: iPhone 12 Pro Max, số IMEI: 356716112331997, cũ đã qua sử dụng của bị cáo Đàm Văn T;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động màu hồng, tên kiểu máy: iPhone 13, số IMEI: 352164237155450, cũ đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Thị L.

- Trả lại cho bị cáo Trần Duy P 01 (một) chiếc xe đạp điện màu trắng, cũ đã qua sử dụng và 01 (một) căn cước công dân số 020200000968 mang tên Trần Duy P.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị L 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 174923859 mang tên Phạm Thị L;

- Trả lại cho bị cáo Đàm Văn T số tiền 2.125.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đựng trong 01 (một) phong bì của Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có dòng chữ viết tay “ĐÀM VĂN T SỐ TIỀN 2.125.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị L số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) đựng trong 01 (một) phong bì của Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn được niêm phong dán kín, mặt trước phong bì có dòng chữ viết tay “Số tiền khám xét Phạm Thị L 1.300.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/8/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

- Truy thu của bị cáo Phạm Thị L số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Truy thu của bị cáo Đàm Văn T số tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Thị L, Đàm Văn T, Trần Duy P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (02 bản);
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lương Thị Mỹ Hạnh**